

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**  
**ÁP DỤNG TỪ KHÓA: 17 - 18**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số 532/QĐ-CĐCD ngày 16 tháng 9 năm 2022  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng công đồng Hậu Giang)

**Tên nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí**

**Mã nghề: 5520205**

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THCS trở lên.

**Thời gian đào tạo:** 2 năm

## **1. Mục tiêu đào tạo:**

### **1.1. Mục tiêu chung:**

Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí trình độ trung cấp là ngành, nghề chuyên lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy lạnh và điều hoà không khí như: Hệ thống máy lạnh trong các kho lạnh, hệ thống máy lạnh thương nghiệp, máy kem, máy đá, tủ lạnh; hệ thống điều hoà không khí trung tâm, điều hoà không khí cục bộ... đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất, an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí thường được bố trí làm việc ở các cơ sở, các công ty dịch vụ chuyên ngành, siêu thị, các nhà máy bia, chế biến sữa, bảo quản thủy hải sản; các nhà máy chế tạo thiết bị máy lạnh, điều hoà không khí, các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy lạnh và điều hoà không khí;

Những nhiệm vụ chính của ngành, nghề là: lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp; lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp; lắp đặt hệ thống điều hoà không khí trung tâm; lắp đặt hệ thống điều hoà không khí cục bộ; vận hành hệ thống máy lạnh; vận hành hệ thống điều hoà không khí trung tâm; bảo trì - bảo dưỡng hệ thống lạnh; sửa chữa hệ thống lạnh; nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; tổ chức lao động; giao tiếp với khách hàng.

Môi trường làm việc của ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí thường có độ cao thay đổi, tiếp xúc với các thiết bị điện, thiết bị áp lực đòi hỏi độ tập trung và kỹ năng chuyên ngành cao.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể: Sau khi hoàn thành chương trình, người học**

#### **1.2.1. Kiến thức**

- Trình bày được các quy định, tiêu chuẩn về bản vẽ kỹ thuật trong;
- Trình bày được những nội dung cơ bản về tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ trong thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí;

- Hiểu được phương pháp, quy trình thực hiện xanh hóa trong thực hiện các công việc của nghề;
- Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Mô tả được các loại trang thiết bị, dụng cụ và phân tích được chức năng của từng thiết bị, dụng cụ trong nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
- Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí cục bộ, điều hòa không khí trung tâm đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Trình bày được phương pháp và quy trình bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Phân tích được các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí;
- Phân tích được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong các hệ thống lạnh;
- Biết được phương pháp cập nhật các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề;
- Trình bày nguyên lý làm việc, cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị chính được sử dụng trong nghề;
- Trình bày được phương pháp tính toán phụ tải lạnh, chọn, thiết kế lắp đặt sơ bộ được hệ thống điện - lạnh của máy lạnh, điều hòa không khí có năng suất lạnh nhỏ;
- Trình bày được các quy định trong nghiệm thu bàn giao công việc;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### 1.2.2. Kỹ năng

- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ thiết kế, lắp đặt trong hệ thống lạnh;
- Lựa chọn, sử dụng được các dụng cụ, thiết bị chính trong nghề;
- Giám sát và thực hiện được công tác an toàn trong lĩnh vực của nghề;
- Lắp đặt, vận hành được hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Lắp đặt, vận hành được hệ thống điều hòa không khí cục bộ đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Bảo trì, bảo dưỡng được các hệ thống lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Kiểm tra được các thông số kỹ thuật hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào;
- Sửa chữa được các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh;
- Sửa chữa được một số hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong hệ thống lạnh;

- Đánh giá được tác động môi trường của môi chất lạnh và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khi thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;

- Đề xuất được phương án tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phế thải khi thực hiện các lĩnh vực của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;

- Phân loại được rác thải trong công nghiệp;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### *1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.*

- Làm việc độc lập hoặc phối hợp làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc ít thay đổi;

- Hướng dẫn giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ đã định sẵn, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và một phần đối với nhóm;

- Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và một phần công việc của các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

### *1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:*

- Lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ;

- Vận hành hệ thống máy lạnh;

- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lạnh;

- Sửa chữa hệ thống lạnh;

- Bảo hành hệ thống lạnh;

- Sửa chữa mạch điện điều khiển cho hệ thống lạnh.

### *1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ:*

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 22 môn học, mô đun
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1.755 giờ (tương đương 71 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.500 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 454 giờ; Thực hành, thực tập: 1.199 giờ; Kiểm tra 102 giờ

## 3. Nội dung chương trình:

### 3.1 Chương trình bắt buộc dành cho học sinh tốt nghiệp THCS và tốt nghiệp THPT

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm Tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
DC1201	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DC1102	Pháp luật	1	15	9	5	1
DC1103	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DC1204	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
DC1205	Tin học	2	45	15	29	1
DC1406	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>59</b>	<b>1.500</b>	<b>360</b>	<b>1.051</b>	<b>89</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>18</b>	<b>390</b>	<b>150</b>	<b>215</b>	<b>25</b>
CS38201	Vẽ kỹ thuật	2	45	15	28	2
CS38202	Cơ sở kỹ thuật điện	2	45	15	25	5
CS38303	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và điều hoà không khí	3	60	30	26	4
CS38204	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	2	45	15	28	2
CS38205	Vật liệu điện -lạnh	2	45	15	28	2
CS38306	Đo lường điện- lạnh	3	60	30	27	3
CS38407	Trang bị điện	4	90	30	53	7

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm Tra
<b>II.2</b>	<b><i>Môn học, mô đun chuyên môn</i></b>	<b>33</b>	<b>930</b>	<b>150</b>	<b>726</b>	<b>54</b>
CN38601	Lạnh cơ bản	6	150	30	105	15
CN38402	Hệ thống máy lạnh dân dụng	4	90	30	55	5
CN38604	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	6	150	30	110	10
CN38406	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	4	105	15	85	5
CN38407	Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	4	105	15	85	5
CN38308	Tính toán, thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí	3	60	30	26	4
TN38601	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	260	10
<b>II.3</b>	<b><i>Môn học, mô đun tự chọn (chọn 2/4 mô đun)</i></b>	<b>8</b>	<b>180</b>	<b>60</b>	<b>110</b>	<b>10</b>
TC38401	Hệ thống máy lạnh thương nghiệp	4	90	30	55	5
TC38402	Điện tử chuyên ngành	4	90	30	55	5
TC38403	Kỹ thuật số	4	90	30	55	5
TC38404	Chuyên đề điều hòa không khí	4	90	30	55	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>71</b>	<b>1.755</b>	<b>454</b>	<b>1.199</b>	<b>102</b>

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP  
ÁP DỤNG CHO KHÓA: 19**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 575/QĐ-CĐCD ngày 09 tháng 10 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường CĐCD Hậu Giang)

Tên ngành, nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

Mã ngành, nghề: 5520205

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>11</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
DC1201	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DC1102	Pháp luật	1	15	9	5	1
DC1103	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DC1204	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
DC1205	Tin học	2	45	15	29	1
DC1307	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>59</b>	<b>1.500</b>	<b>360</b>	<b>1.051</b>	<b>89</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>18</b>	<b>390</b>	<b>150</b>	<b>215</b>	<b>25</b>
CS38201	Vẽ kỹ thuật	2	45	15	28	2
CS38202	Cơ sở kỹ thuật điện	2	45	15	25	5
CS38303	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và điều hoà không khí	3	60	30	26	4
CS38204	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	2	45	15	28	2
CS38205	Vật liệu điện -lạnh	2	45	15	28	2
CS38306	Đo lường điện- lạnh	3	60	30	27	3
CS38407	Trang bị điện	4	90	30	53	7
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>33</b>	<b>930</b>	<b>150</b>	<b>726</b>	<b>54</b>
CN38601	Lạnh cơ bản	6	150	30	105	15



Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
CN38402	Hệ thống máy lạnh dân dụng	4	90	30	55	5
CN38604	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	6	150	30	110	10
CN38406	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	4	105	15	85	5
CN38407	Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	4	105	15	85	5
CN38308	Tính toán, thiết kế lắp đặt sơ bộ hệ thống máy lạnh và điều hoà không khí	3	60	30	26	4
TN38601	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	260	10
<b>II.3</b>	<b><i>Môn học, mô đun tự chọn (chọn 2/4 mô đun)</i></b>	<b>8</b>	<b>180</b>	<b>60</b>	<b>110</b>	<b>10</b>
TC38401	Hệ thống máy lạnh thương nghiệp	4	90	30	55	5
TC38402	Điện tử chuyên ngành	4	90	30	55	5
TC38403	Kỹ thuật số	4	90	30	55	5
TC38404	Chuyên đề điều hoà không khí	4	90	30	55	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>70</b>	<b>1.755</b>	<b>454</b>	<b>1.199</b>	<b>102</b>